

LỊCH HỌC THỰC HÀNH KỶ 1 NĂM HỌC 2025-2026

(Từ ngày 24 tháng 11 đến 30 tháng 11 năm 2025)

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Học phần/ Môn học	Nhóm	SL HSSV	Tiết học - Phòng học / Tổng số buổi học															Giáo viên	Đơn vị quản lý học phần										
							Thứ 2			Thứ 3			Thứ 4			Thứ 5			Thứ 6					Thứ 7			CN						
							Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi			Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi				
1	DH	18	20251AT6043001	Kết cấu ô tô	CL	21	1-6	404-A10	1/12																				Ngô Quang Tào	TTHTHNOT			
2	DH	18	20251AT6043002	Kết cấu ô tô	CL	21	7-12	404-A10	1/12																					Ngô Quang Tào	TTHTHNOT		
3	DH	18	20251AT6043003	Kết cấu ô tô	CL	20	13-18	409-A10	1/12																					Lê Đình Mạnh	TTHTHNOT		
4	DH	18	20251AT6043004	Kết cấu ô tô	CL	21				1-6	408-A10	1/12																			Nguyễn Thành Vinh	TTHTHNOT	
5	DH	18	20251AT6043005	Kết cấu ô tô	CL	22				7-12	408-A10	Dec-15																			Nguyễn Thành Vinh	TTHTHNOT	
6	DH	18	20251AT6043006	Kết cấu ô tô	CL	20				13-18	408-A10	Dec-15																			Đoàn Công Thành	TTHTHNOT	
7	DH	18	20251AT6043007	Kết cấu ô tô	CL	21							1-6	409-A10	1/12																Nguyễn Tuấn Nghĩa	TTHTHNOT	
8	DH	18	20251AT6043008	Kết cấu ô tô	CL	21							7-12	409-A10	1/12																Nguyễn Tuấn Nghĩa	TTHTHNOT	
9	DH	18	20251AT6043009	Kết cấu ô tô	CL	20							13-18	409-A10	1/12																Nguyễn Thành Vinh	TTHTHNOT	
10	DH	18	20251AT6043010	Kết cấu ô tô	CL	22							1-6	404-A10	12/15																Chu Đức Hùng	TTHTHNOT	
11	DH	18	20251AT6043011	Kết cấu ô tô	CL	20							7-12	404-A10	12/15																Chu Đức Hùng	TTHTHNOT	
12	DH	18	20251AT6043012	Kết cấu ô tô	CL	22							13-18	404-A10	12/15																Ngô Quang Tào	TTHTHNOT	
13	DH	18	20251AT6043013	Kết cấu ô tô	CL	21										1-6	408-A10	Dec-15													Lê Đình Mạnh	TTHTHNOT	
14	DH	18	20251AT6043014	Kết cấu ô tô	CL	21										7-12	408-A10	Dec-15													Lê Đình Mạnh	TTHTHNOT	
15	DH	18	20251AT6043015	Kết cấu ô tô	CL	20										13-18	408-A10	Dec-15													Chu Đức Hùng	TTHTHNOT	
16	DH	18	20251AT6043016	Kết cấu ô tô	CL	20													1-6	409-A10	Dec-15										Đoàn Công Thành	TTHTHNOT	
17	DH	18	20251AT6043017	Kết cấu ô tô	CL	20													7-12	409-A10	Dec-15										Đoàn Công Thành	TTHTHNOT	
18	DH	18	20251AT6043 TA001	Automotive Chassis Engineering	CL	28							7-12	408-A10	1/12																Nguyễn Xuân Khoa	TTHTHNOT	
19	DH	17	20251AT6057 TA001	Electrical Automotive Diagnostic and Repair Engineering	CL	14							1-6	403-A10	1/12																Lê Hữu Chức	TTHTHNOT	
20	DH	17	20251AT6052 TA001	Automotive Diagnostic and Repair	CL	14										1-6	409-A10	12/15													Nguyễn Xuân Khoa	TTHTHNOT	
21	DH	17	20251AT6052001	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22				1-6	404-A10	Dec-15							1-6	404-A10											Ngô Quang Tào	TTHTHNOT	
22	DH	17	20251AT6052002	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22							1-6	404-A10	1/12																Chu Đức Hùng	TTHTHNOT	
23	DH	17	20251AT6052003	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	23										1-6	408-A10	12/15													Nguyễn Xuân Tuấn	TTHTHNOT	
24	DH	17	20251AT6052004	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22													1-6	409-A10	1/12										Bùi Văn Hải	TTHTHNOT	
25	DH	17	20251AT6052005	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22																1-6	408-A10	Jan-15							Nguyễn Thành Vinh	TTHTHNOT	
26	DH	17	20251AT6052006	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22	7-12	409-A10	1/12													1-6	408-A10								Lê Đình Mạnh	TTHTHNOT	
27	DH	17	20251AT6052007	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22				7-12	404-A10	Dec-15										7-12	404-A10								Ngô Quang Tào	TTHTHNOT	
28	DH	17	20251AT6052008	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22							7-12	404-A10	1/12																Chu Đức Hùng	TTHTHNOT	
29	DH	17	20251AT6052009	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22										7-12	408-A10	12/15													Trình Đức Phong	TTHTHNOT	
30	DH	17	20251AT6052013	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22				13-18	404-A10	Dec-15																			Lê Duy Long	TTHTHNOT	
31	DH	17	20251AT6052014	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22							13-18	404-A10	1/12																Lê Đình Mạnh	TTHTHNOT	
32	DH	17	20251AT6052017	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	23																13-18	404-A10	Dec-15							Nguyễn Thế Anh	TTHTHNOT	
33	DH	17	20251AT6057001	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	23				1-6	418-A10	Dec-15																			Nguyễn Thành Bắc	TTHTHNOT	
34	DH	17	20251AT6057003	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	23				7-12	419-A10	Dec-15																			Nguyễn Minh Thắng	TTHTHNOT	
35	DH	17	20251AT6057005	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	22										1-6	403-A10	12/15													Ngô Quang Tào	TTHTHNOT	
36	DH	17	20251AT6057007	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	23																									Nguyễn Xuân Khoa	TTHTHNOT	
37	DH	17	20251AT6057009	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	23										7-12	418-A10	12/15														Lê Hữu Chức	TTHTHNOT
38	DH	17	20251AT6057010	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	23													7-12	418-A10	Dec-15										Chu Đức Hùng	TTHTHNOT	
39	DH	17	20251AT6057011	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	23	13-18	403-A10	1/12																						Nguyễn Thành Bắc	TTHTHNOT	
40	DH	17	20251AT6057012	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	23				13-18	418-A10	12/15																			Chu Đức Hùng	TTHTHNOT	
41	DH	17	20251AT6057013	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	23							13-18	418-A10	12/15																	Lê Đình Đạt	TTHTHNOT
42	DH	17	20251AT6057015	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	23										13-18	418-A10	12/15														Lê Đình Mạnh	TTHTHNOT
43	DH	17	20251AT6057016	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	23													13-18	419-A10	12/15										Nguyễn Thành Vinh	TTHTHNOT	
44	DH	17	20251AT6057017	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	23																13-18	403-A10	12/15							Nguyễn Trung Kiên	TTHTHNOT	
45	DH	19	20251ME6024008	LTCC		1	24						7,8,9,10,11,12	106A9	2/3																Hoàng Xuân Khoa	KTCS	
46	DH	19	20251ME6024017	LTCC		3		4,5,6	501-A10	3/3																					Nguyễn Thị Thu Hương	KTCS	
47	DH	19	20251ME6024009	Lý thuyết cơ cấu		1	23	7,8,9,10,11,12	503-A10	1/3																					Nguyễn Thị Thu Hương	KTCS	
48	DH	19	20251ME6024003	LTCC		2	24	1,2,3,4,5,6	106-A9	1/3																					Nguyễn Hồng Tiến	KTCS	
49	DH	19	20251ME6024003	LTCC		2	24	7,8,9,10,11,12	501-A10	2/3																					Nguyễn Hồng Tiến	KTCS	
50	DH	19	20251ME6024003	LTCC		2	24						1,2,3	501-A10	3/3																Nguyễn Hồng Tiến	KTCS	
51	DH	19	20251ME6024004	LTCC		2	24	4,5,6	501-A10	1/3																							

[illegible]

[illegible]

